

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-ST  
Ngày: 23 - 02 - 2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Diễm Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Văn Hiến

Ông Lê Văn Vững

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Jét, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Phan Hoàng Yến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 707/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Hoàng G** (Chủ hộ kinh doanh **Võ Hoàng G**), sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ: **Khóm A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ông **Võ Hoàng G** là nguyên đơn trình bày:

Gia đình ông và bà **N** là chỗ quen biết, ông **G** có cửa hàng bán thức ăn thủy sản, bà **N** là khách hàng mua thức ăn thủy sản của ông để chăn nuôi.

Vào ngày 01/12/2016 (âm lịch) bà **N** đồng ý lập hợp đồng vay nợ với số tiền 86.587.000 đồng, bà **N** thỏa thuận trả lãi cho ông với lãi suất hàng tháng là 3%. Bà **N** cam kết với ông đến ngày 01/3/2017 (âm lịch) trả hết nợ gốc và lãi cho ông. Khi lập hợp đồng vay tại nhà ông thì có mặt anh **Nguyễn Minh T** (con ruột của bà **N**) nên ông yêu cầu anh **T** ký tên trong hợp đồng vay ngày 01/12/2016 (âm lịch) với tư cách là người chứng kiến. Đến hạn, bà **N** có trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại ông số tiền gốc là 36.587.000 đồng và đến nay không trả gốc, lãi cho ông. Ông **G** đã nhiều lần yêu cầu bà **N** trả gốc, lãi cho ông nhưng bà **N** cứ hứa lần, hứa lượt nhưng đến nay không trả nợ cho ông. Tại phiên hòa giải ông **G** xác định số tiền 36.587.000 đồng bà **N** còn nợ ông theo hợp đồng vay ngày 01/12/2016 (âm lịch) là tiền bà **N** mua thức ăn thủy sản còn thiếu, chứ không phải tiền vay.

Nay ông **G** yêu cầu bà **N** phải trả cho ông tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 36.587.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 01/12/2016 (Âm lịch) và tiền lãi từ ngày 01/3/2017 âm lịch tức ngày 28/3/2017 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn bà **Phạm Thị N** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Minh T** trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng quá thời hạn luật định mà không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Ông **Võ Hoàng G** trình bày: Ông **G** thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà **Phạm Thị N** phải trả cho ông tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 36.587.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 430, Điều 440 bộ luật dân sự năm 2015:



+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Hoàng G** (Chủ hộ kinh doanh **Võ Hoàng G**), buộc bà **Phạm Thị N** phải trả cho ông **G** tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 36.587.000 đồng.

+ Về án phí quyết định theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng vay ngày 01/12/2016 âm lịch nhưng tại phiên họp ngày 29/12/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận nợ theo hợp đồng vay ngày 01/12/2016 âm lịch là tiền bị đơn mua thức ăn thủy sản còn thiếu chưa trả chứ không phải tiền vay. Do đó căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại **ấp D, xã T, huyện T**, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu số tiền là 36.587.000 đồng:

Ông **Võ Hoàng G** là chủ hộ kinh doanh của cửa hàng thức ăn **Võ Hoàng Hoàng G**.

Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2023 của ông **Võ Hoàng G** và biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2023 của bà **Phạm Thị N** thì có căn cứ xác định số tiền 36.587.000 đồng là tiền bà **N** mua thức ăn thủy sản còn thiếu của ông **Võ Hoàng G**. Ông **G** thừa nhận hợp đồng vay ngày 01/12/2016 âm lịch là để chốt nợ tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu vì khi bà **N** ngưng không mua thức ăn thủy sản tại cửa hàng ông nữa nhưng không trả tiền cho ông, do đó hợp đồng vay

ngày 01/12/2016 âm lịch là cơ sở đảm bảo để bà N trả nợ gốc cũng như nợ lãi cho ông, nhưng từ khi chót nợ đến hạn bà N chỉ trả cho ông được số tiền vốn 50.000.000 đồng, sau đó thì bà N không trả vốn, lãi cho ông. Bà N thừa nhận bà còn nợ ông G số tiền mua thức ăn thủy sản với số tiền là 36.587.000 đồng chứ bà N không có vay tiền của ông G theo như hợp đồng vay ngày 01/12/2016 âm lịch nhưng khoảng từ ngày 18 đến ngày 20/12/2018 âm lịch bà N có nhờ con trai của bà là anh Nguyễn Minh T đem số tiền 10.000.000 đồng để trả nợ cho ông G nên nay bà N chỉ đồng ý trả cho ông G tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 26.587.000 đồng nhưng ông G không thừa nhận có nhận của anh T số tiền 10.000.000 đồng như lời bà N trình bày và Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án yêu cầu bà N, anh T cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà N là có căn cứ nhưng đến nay Hội đồng xét xử không nhận được tài liệu chứng cứ nào của bà N, anh T. Do đó, lời trình bày của bà N có trả thêm cho ông G số tiền 10.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên xác định, hợp đồng vay ngày 01/12/2016 (âm lịch) là nhằm cho giấu hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn thủy sản) giữa ông G với bà N do đó hợp đồng vay ngày 01/12/2016 thực chất là hợp đồng chót nợ tiền thức ăn thủy sản giữa bà N với ông G. Bà N thừa nhận còn nợ ông G tiền mua thức ăn thủy sản, việc bà N không trả nợ cho ông G là vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Nay, ông G yêu cầu bà N có nghĩa vụ thanh toán tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 36.587.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền lãi: Ông G yêu cầu bà N phải trả lãi từ ngày 01/3/2017 âm lịch tức ngày 28/3/2017 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 36.587.000 đồng:

Tại phiên tòa, ông G thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà N trả tiền lãi là tự nguyện, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Hoàng G (Chủ hộ kinh doanh Võ Hoàng G) yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị N phải trả cho ông Võ Hoàng G tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 36.587.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười có căn cứ như phân tích trên nên chấp nhận đề nghị.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:



Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

Ông **Võ Hoàng G** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông **G** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.053.000 đồng theo biên lai số 0000831 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Bà **Phạm Thị N** phải chịu 1.829.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Võ Hoàng G** (Chủ hộ kinh doanh **Võ Hoàng G**) về việc yêu cầu bị đơn bà **Phạm Thị N** trả cho ông **Võ Hoàng G** tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 36.587.000 đồng.

2. Buộc bà **Phạm Thị N** phải trả cho ông **Võ Hoàng G** (Chủ hộ kinh doanh **Võ Hoàng G**) tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 36.587.000 (Ba mươi sáu triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Võ Hoàng G** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông **G** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.053.000 đồng theo biên lai số 0000831 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Bà **Phạm Thị N** phải chịu 1.829.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Thủy – Nguyễn Thị Thanh Trang**

**Huỳnh Thị Diễm Hương**

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Diễm Hương**